QUỐC HỘI **------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Luật số: …/20…/QH…	*Hà Nội, ngày… tháng ….năm …*

DỰ KIẾN
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Tài nguyên nước,

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Luật này quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; sông, suối, kênh, rạch, hồ, ao, đầm, phá, biển, các tầng chứa nước dưới đất; mưa, băng, tuyết và các dạng tích tụ nước khác thuộc lãnh thổ của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Nước dưới đất và nước biển thuộc vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nước khoáng, nước nóng thiên nhiên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước mưa, nước mặt, nước biển, nước dưới đất và các vật thể chứa nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra thuộc lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Kế thừa nội dung tại Điều 2 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Bổ sung khái niệm về *an ninh tài nguyên nước.*

- *Bổ sung khái niệm về chỉ số an ninh tài nguyên nước.*

- Bổ sung khái niệm *vật thể chứa nước.*

- Bổ sung khái niệm *vùng bổ cập nước dưới đất và vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.*

- Bổ sung khái niệm *hoạt động khai thác tài nguyên nước*.

- Bổ sung khái niệm *hoạt động sử dụng tài nguyên nước*.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Kế thừa các nội dung tại Điều 3 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định về các nguyên tắc chung trong quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về tài nguyên nước

Kế thừa và bổ sung Điều 4 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Bổ sung quy định về việc xây dựng, vận hành hệ thống chỉ tiêu, chỉ số theo dõi, đánh giá an ninh tài nguyên nước quốc gia, lưu vực sông.

- Bổ sung quan điểm, nguyên tắc về chính sách xã hội hóa hoạt động quan trắc tài nguyên nước; phục hồi các dòng sông bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; thẩm định các dịch vụ công lĩnh vực tài nguyên nước; các hoạt động bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, khôi phục cảnh quan, phát triển nguồn sinh thủy.

Điều 6. Phổ biến, giáo dục về tài nguyên nước

Kế thừa các nội dung tại Điều 5 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc phổ biến, giáo dục về tài nguyên nước.

Điều 7. Lấy ý kiến của cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước

Kế thừa các nội dung tại Điều 6 Luật Tài nguyên nước năm 2012

Sửa đổi, bổ sung chi tiết yêu cầu, nội dung, trình tự lấy ý kiến cộng đồng dân cư trong khai thác tài nguyên nước.

Điều 8. Danh mục lưu vực sông, danh mục nguồn nước

Kế thừa nội dung Điều 7 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định về trách nhiệm, quyền hạn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan liên quan trong việc lập, ban hành danh mục lưu vực sông, danh mục nguồn nước.

Điều 9. Lưu trữ, sử dụng thông tin về tài nguyên nước

Kế thừa nội dung Điều 8 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định về quyền và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân, trong việc lưu trữ, sử dụng thông tin về tài nguyên nước.

Bổ sung nội dung cung cấp dịch vụ thông tin về tài nguyên nước.

Điều 10. Các hành vi bị nghiêm cấm

Kế thừa nội dung tại Điều 9 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực tài nguyên nước.

CHƯƠNG II

ĐIỀU TRA CƠ BẢN, CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH TÀI NGUYÊN NƯỚC

Mục 1

ĐIỀU TRA CƠ BẢN TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 11. Trách nhiệm của Nhà nước trong điều tra cơ bản tài nguyên nước

Kế thừa nội dung tại Điều 10 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định về trách nhiệm của Nhà nước trong điều tra cơ bản tài nguyên nước.

Điều 12. Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước

Kế thừa nội dung tại Điều 11 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định về yêu cầu, căn cứ, nội dung của quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước.

Điều 13. Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước

Kế thừa nội dung tại Điều 12 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Bổ sung quy định về kiểm soát, dự báo các nguồn nước xuyên biên giới liên quan đến quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế-xã hội

- Sửa đổi: xác định hạn ngạch xả thải thay cho khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước.

Điều 14. Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước

Kế thừa nội dung tại Điều 13 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Sửa đổi, bổ sung quy định chi tiết nội dung liên quan đến cơ chế, tổ chức thực hiện liên quan đến huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân, các tổ chức chính trị xã hội trong hoạt động điều tra cơ bản.

Điều 15. Quản lý hoạt động điều tra cơ bản (bổ sung)

Bổ sung trình tự quản lý các hoạt động điều tra cơ bản nhằm quản lý đồng bộ, thống nhất, tránh chồng chéo, nâng cao hiệu quả sử dụng kết quả điều tra cơ bản, tiết kiệm, tránh lãng phí nguồn lực.

Mục 2

CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 16. Chiến lược tài nguyên nước

Kế thừa nội dung tại Điều 14 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định về các nguyên tắc và các căn cứ trong việc lập chiến lược tài nguyên nước; nội dung của chiến lược tài nguyên nước và trách nhiệm, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong lập chiến lược tài nguyên nước.

Điều 17. Quy hoạch về tài nguyên nước(sửa đổi, bổ sung)

Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan tới quy hoạch.

Điều 18. Nguyên tắc lập quy hoạch về tài nguyên nước(sửa đổi, bổ sung)

Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan tới quy hoạch.

Điều 19. Căn cứ lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh (sửa đổi, bổ sung)

Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan tới quy hoạch.

Điều 20. Nội dung của quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh (sửa đổi, bổ sung)

Quy định các nội dung chính của Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh đảm bảo phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan tới quy hoạch và Luật Quy hoạch.

Điều 21. Nhiệm vụ lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh (sửa đổi, bổ sung)

Quy định các nội dung chính của Nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh và quy định cơ quan phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch đảm bảo phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan tới quy hoạch và Luật Quy hoạch.

Điều 22. Thẩm quyền tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh (sửa đổi, bổ sung)

Quy định các nội dung về trình tự thủ tục thẩm định, thành phần hồ sơ trình thẩm định, trình phê duyệt và quy định thẩm quyền tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh phê duyệt quy hoạch đảm bảo phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan tới quy hoạch và Luật Quy hoạch.

Điều 23. Điều chỉnh quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh (sửa đổi, bổ sung)

Điều này quy định các nội dung về các trường hợp phải điều chỉnh quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh, nguyên tắc điều chỉnh, quy định về trình tự thẩm định và cơ quan phê duyệt điều chỉnh đảm bảo phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan tới quy hoạch và Luật Quy hoạch.

Điều 24. Điều kiện của đơn vị tư vấn lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh(sửa đổi, bổ sung)

Điều này quy định các nội dung về điều kiện năng lực của đơn vị tư vấn lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh đảm bảo phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan tới quy hoạch, Luật Quy hoạch.

Điều 25. Công bố, tổ chức thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh(sửa đổi, bổ sung)

Điều này quy định các nội dung về thời gian thực hiện công bố, đơn vị tổ chức công bố, cơ quan tổ chức giám sát thực hiện quy hoạch đảm bảo phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan tới quy hoạch, Luật Quy hoạch.

CHƯƠNG III
BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 26. Trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước

Kế thừa nội dung tại Điều 25 Luật Tài nguyên nước năm 2012

Điều này quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và chính quyền các cấp trong việc bảo vệ tài nguyên nước.

Điều 27. Phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước

Kế thừa nội dung tại Điều 26 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định về việc phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

Điều 28. Ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước và phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt

Bổ sung quy định chi tiết nội dung liên quan đến cơ chế, tổ chức thực hiện liên quan đến huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân, các tổ chức chính trị xã hội trong phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm và hoạt động bảo vệ lòng bờ, bãi sông.

Điều 29. Quan trắc, giám sát tài nguyên nước

Kế thừa nội dung tại Điều 28 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều nay quy định về trách nhiệm thực hiện việc quan trắc, giám sát tài nguyên nước của các cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước và tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

Điều 30. Bảo vệ và phát triển nguồn sinh thủy

Kế thừa nội dung tại Điều 29 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Bổ sung các quy định cụ thể đối với hoạt động bảo vệ nguồn sinh thủy và phát triển nguồn nước, trong đó có cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan trong bảo vệ phát triển nguồn sinh thủy.

- Bổ sung các quy định cụ thể đối với hoạt động bảo vệ nguồn sinh thủy và phát triển nguồn nước. Đề xuất các giải pháp công trình "kho chứa nước" để tích trữ nước nhằm điều hòa nguồn nước giữa các mùa; bảo vệ và phục hồi thảm thực vật, đặc biệt là rừng đầu nguồn, rừng ngập mặn ven biển nhằm tăng khả năng tích trữ nước, giảm thiểu lũ lụt về mùa mưa, tăng nguồn sinh thủy về mùa khô.

- Bổ sung quy định chi tiết nội dung liên quan đến cơ chế, tổ chức thực hiện liên quan đến huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân, các tổ chức chính trị xã hội trong hoạt động phát triển nguồn sinh thủy.

Điều 31. Bảo đảm sự lưu thông của dòng chảy

Kế thừa nội dung tại Điều 30 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định về các hoạt động trên sông, suối, kênh, rạch không được cản trở dòng chảy và phải phù hợp với các tiêu chuẩn phòng, chống lũ, các yêu cầu kỹ thuật liên quan khác theo quy định của pháp luật

Điều 32. Hành lang bảo vệ nguồn nước

Kế thừa nội dung tại Điều 31 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Điều này quy định về các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ và trách nhiệm, nghĩa vụ của các cơ quan quản lý, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước trong việc lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước trong Luật này

để tránh chồng chéo với hành lang bảo vệ công trình thủy lợi trong quy định của pháp luật về Thủy lợi.

Điều 33. Bảo vệ lòng bờ, bãi sông (bổ sung)

Bổ sung quy định liên quan đến bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, trong đó bổ sung quy định về phạm vi bảo vệ và Luật hóa các quy định về hành lang, quy định về khai thác cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông ở các văn bản dưới Luật còn hiệu lực, hiệu quả.

Bổ sung quy định chi tiết nội dung liên quan đến cơ chế, tổ chức thực hiện liên quan đến huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân, các tổ chức chính trị xã hội trong hoạt động bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, khôi phục cảnh quan.

Điều 34. Bảo đảm dòng chảy tối thiểu (bổ sung)

Điều này quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong việc đảm bảo dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa, đập dâng;

Quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong việc giám sát thực hiện quy định về bảo đảm dòng chảy tối thiểu và việc xác định, công bố giá trị dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa, đập dâng; Nghiên cứu Luật hóa các quy định dưới Luật về bảo đảm dòng chảy tối thiểu.

Điều 35. Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt

Kế thừa nội dung tại Điều 32 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước trong việc bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt.

Điều 36. Bảo vệ chất lượng nguồn nước trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất công nghiệp, khai thác khoáng sản và các hoạt động khác

Kế thừa nội dung tại Điều 33 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước trong việc bảo vệ chất lượng nguồn nước trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất công nghiệp, khai thác khoáng sản và các hoạt động khác.

Điều 37. Phòng, chống ô nhiễm nước biển

Kế thừa nội dung tại Điều 34 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động trên biển và hoạt động ở vùng ven biển, hải đảo trong việc phòng, chống ô nhiễm nước biển.

Điều 38. Bảo vệ nước dưới đất

Kế thừa nội dung tại Điều 35 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Bổ sung quy định liên quan đến việc bổ sung nhân tạo cho nước dưới đất nói chung, đặc biệt là vùng đang bị hạn chế khai thác nước dưới đất.

- Bổ sung quy định về bảo vệ vùng bổ cập cho nước dưới đất.

Điều 39. Hành nghề khoan nước dưới đất

Kế thừa nội dung tại Điều 36 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định việc khoan điều tra, khảo sát, thăm dò và khoan khai thác nước dưới đất phải do tổ chức, cá nhân được phép hành nghề khoan nước dưới đất thực hiện.

Điều 40. Xả nước thải vào nguồn nước

Bãi bỏ Điều 37 và điểm đ khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước năm 2012 liên quan đến cấp phép xả nước thải vào nguồn nước.

Kế thừa nội dung tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 38 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

CHƯƠNG IV

KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Mục 1

SỬ DỤNG NƯỚC TIẾT KIỆM, HIỆU QUẢ

Điều 41. Biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả

Kế thừa nội dung tại Điều 39 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Quy định rõ hơn các biện pháp, chế tài trong việc sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả đối với các hoạt động khai thác, sử dụng nước.

- Bổ sung quy định về sử dụng nước hướng đến tiết kiệm nước trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước.

Điều 42. Hạn chế thất thoát nước trong các hệ thống cấp nước

Kế thừa nội dung tại Điều 40 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Quy định rõ hơn các biện pháp, chế tài trong việc chống thất thoát, lãng phí nước trong các hệ thống cấp nước, nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến cung cấp dịch vụ nước sạch và quản lý hệ thống truyền tải.

Điều 43. Ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả

Kế thừa nội dung tại Điều 41 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều nay quy định về cơ chế ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 44. Phát triển khoa học, công nghệ sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả

Kế thừa nội dung tại Điều 42 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Điều này quy định về ưu đãi của Nhà nước đối với tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển công nghệ xử lý nước thải, cải tạo, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt, tái sử dụng nước và công nghệ khác nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

- Quy định các hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ nhằm sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả được ưu tiên và nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và xử lý, cải tạo, khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt.

Mục 2

KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 45. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước

Kế thừa Điều 43 Luật Tài nguyên nước năm 2012 và có sửa đổi, bổ sung theo hướng tách bạch quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong khai thác tài nguyên nước và sử dụng tài nguyên nước.

Điều 46. Khai thác tài nguyên nước (bổ sung)

Sửa đổi, bổ dung các quy định cụ thể các yêu cầu, trách nhiệm trong quản lý đối với hoạt động "khai thác" tài nguyên nước (khai thác nguồn nước trực tiếp từ nguồn nước các sông, suối, hồ,…) gắn với các công trình khai thác, sử dụng nước cho các mục đích thủy lợi, thủy điện, công nghiệp, cấp nước sinh hoạt,…

Điều 47. Sử dụng tài nguyên nước (bổ sung)

Sửa đổi, bổ dung các quy định cụ thể các yêu cầu, trách nhiệm trong quản lý đối với hoạt động "sử dụng" nguồn nước (nước sau khi được khai thác, được xử lý, cấp cho các mục đích sử dụng) để cấp cho các hoạt động sử dụng nước theo hướng quản lý tổng hợp tài nguyên nước từ "nguồn" đến đối tượng sử dụng.

Điều 48. Đăng ký, cấp phép khai thác tài nguyên nước

- Bổ sung quy định chi tiết nội dung liên quan đến cơ chế, tổ chức thực hiện liên quan đến huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân, các tổ chức chính trị xã hội trong thực hiện dịch vụ công.

- Sửa đổi, bổ sung cụ thể,rõ ràng, bảo đảm phù hợp với hiện trạng và quy mô, phương thức khai thác, sử dụng nước của từng ngành.

Điều 49. Khai thác và sử dụng tài nguyên nước cho sinh hoạt

Kế thừa nội dung tại Điều 45 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều nay quy định về cơ chế ưu tiên khai thác, sử dụng nước cho sinh hoạt và trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân trong khai thác, sử dụng nước cho sinh hoạt.

Điều 50. Khai thác và sử dụng tài nguyên nước để sản xuất nông nghiệp

Kế thừa nội dung tại Điều 46 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều nay quy định về cơ chế đầu tư, hỗ trợ cho việc khai thác, sử dụng nước để sản xuất nông nghiệp và trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân trong khai thác, sử dụng nước để sản xuất nông nghiệp.

Điều 51. Khai thác và sử dụng nguồn nước cho thủy điện

Kế thừa nội dung tại Điều 47 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định nguyên tắc khai thác, sử dụng nước cho thủy điện và trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân trong khai thác, sử dụng nước cho thủy điện.

Điều 52. Khai thác và sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất muối và nuôi trồng thủy sản

Kế thừa nội dung tại Điều 48 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định cơ chế khuyến khích đầu tư, nguyên tắc khai thác, sử dụng nước cho sản xuất muối và nuôi trồng thủy sản và trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong khai thác, sử dụng nước cho sản xuất muôi và nuôi trồng thủy sản.

Điều 53. Khai thác và sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất công nghiệp, khai thác, chế biến khoáng sản

Bổ sung, cụ thể hóa các quy định, chế tài để quản lý các hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất trong khai thác các mỏ khoáng sản.

Điều 54. Khai thác, sử dụng nguồn nước cho giao thông thủy

Kế thừa nội dung tại Điều 50 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định cơ chế khuyến khích khai thác, sử dụng nguồn nước để phát triển giao thông thủy; nguyên tắc khai thác, sử dụng nguồn nước cho giao thông thủy và việc xây dựng, quản lý các công trình giao thông thủy.

Điều 55. Khai thác và sử dụng tài nguyên nước cho các mục đích khác

Kế thừa nội dung tại Điều 51 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định về trách nhiệm của Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, y tế, thể thao, giải trí, du lịch và các mục đích khác phải sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, không được gây ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, cản trở dòng chảy và các ảnh hưởng xấu khác đến nguồn nước.

Điều 56. Thăm dò, khai thác nước dưới đất

Kế thừa nội dung tại Điều 52 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác nước dưới đất và các khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất, các hình thức hạn chế khai thác nước dưới đất.

Bổ sung quy định nhằm quản lý hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất trong khai thác các mỏ khoáng sản.

Điều 57. Hồ chứa và khai thác và sử dụng nước của các hồ chứa

Kế thừa nội dung tại Điều 53 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Bổ sung quy định, cơ chế, chính sách về việc huy động các hồ chứa tham gia phòng chống lũ, cấp nước cho hạ du trong các trường hợp lũ lụt, hạn hán, thiếu nước.

- Bổ sung chặt chẽ các quy định về quan quản lý, vận hành khai thác, sử dụng nước các hồ chứa.

- Bổ sung quy định về trình tự, nội dung lấy ý kiến và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền về tài nguyên nước về các nội dung liên quan đến quản lý, vận hành khai thác, sư dụng nước các hồ chứa.

Mục 3

ĐIỀU HÒA, PHÂN PHỐI TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 58. Điều hòa, phân phối tài nguyên nước

Kế thừa nội dung tại Điều 54 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định về các nguyên tắc trong việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước và trách nhiệm điều hòa, phân phối tài nguyên nước của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước.

Điều 59. Chuyển nước lưu vực sông

Kế thừa nội dung tại Điều 55 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định về việc lập dự án chuyển nước lưu vực sông và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước.

Điều 60. Bổ sung nhân tạo nước dưới đất

Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 56 Luật Tài nguyên nước năm 2012, hướng dẫn các biện pháp bổ sung nhân tạo nước dưới đất nói chung, đặc biệt là vùng đang bị hạn chế khai thác nước dưới đất phù hợp với đặc thù của từng vùng, miền.

Điều 61. Gây mưa nhân tạo

Kế thừa nội dung tại Điều 57 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định về nguyên tắc gây mưa nhân tạo phải căn cứ vào nhu cầu về nước của vùng thiếu nước và điều kiện cho phép để quyết định biện pháp, quy mô hợp lý và phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG V
PHÒNG, CHỐNG VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TÁC HẠI DO NƯỚC GÂY RA

Điều 62. Trách nhiệm, nghĩa vụ phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Kế thừa nội dung tại Điều 58 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Bổ sung cơ chế, chính sách chi trả kinh phí đối với đơn vị khai thác, sử dụng nước thượng nguồn nếu gây thiệt hại cho công trình công ích ở hạ du thì phải hỗ trợ kinh phí cho việc cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình công ích ở hạ du.

Điều 63. Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại của nước do thiên tai gây ra

Kế thừa nội dung tại Điều 59 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định nguyên tắc phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại của lũ, lụt, nước biển dâng, mưa đá, mưa axít và các tác hại khác của nước do thiên tai gây ra.

Điều 64. Phòng, chống hạn hán, lũ, lụt, ngập úng nhân tạo

Kế thừa nội dung tại Điều 60 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Bổ sung quy định chỉ tiết về quản lý đào, san lấp ao, hồ chứa nước.

- Bổ sung quy định, nguyên tắc việc áp dụng các biện pháp thu gom nước mưa, giảm ngập lụt ở các khu đô thị, khu tập trung dân cư.

Điều 65. Phòng, chống xâm nhập mặn

Kế thừa nội dung tại Điều 61 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định nguyên tắc quản lý, vận hành các công trình ngăn mặn,

giữ ngọt; việc thăm dò, khai thác nước dưới đất ở vùng đồng bằng, ven biển;việc khai thác nước lợ, nước mặn để sử dụng cho sản xuất và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong việc phòng, chống xâm nhập mặn.

Điều 66. Phòng, chống sụt, lún đất

Kế thừa nội dung tại Điều 62 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến khoan nước dưới đất, khoan thăm dò địa chất, thăm dò khoáng sản, dầu khí, khai thác khoáng sản, xây dựng công trình ngầm… trong việc phòng, chống sụt, lún đất.

Điều 67. Phòng, chống sạt, lở bờ, bãi sông

Kế thừa nội dung tại Điều 63 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định các nguyên tắc trong việc cải tạo lòng, bờ, bãi sông, xây dựng công trình thủy, khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trên sông, hồ và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước các cấp trong việc phòng, chống sạt, lở bờ, bãi sông.

CHƯƠNG VI
AN NINH TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA
(Bổ sung)

Điều 68. Nguyên tắc bảo đảm an ninh tài nguyên nước quốc gia

Điều này quy định các quan điểm, nguyên tắc của nhà nước trong việc bảo đảm an ninh tài nguyên nước quốc gia

Điều 69. Trách nhiệm bảo đảm an ninh tài nguyên nước quốc gia

Điều này quy định trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các giải pháp bảo đảm an ninh tài nguyên nước quốc gia

Điều 70. An ninh tài nguyên nước các nguồn nước xuyên biên giới

Điều này quy định việc hợp tác, giám sát trong việc khai thác, sử dụng nguồn nước xuyên biên giới nhằm bảo đảm an ninh tài nguyên nước quốc gia

Điều 71. An ninh nước các lưu vực sông

Điều này quy định các giải pháp phát triển bền vững nguồn nước, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước lưu vực sông bảo đảm an ninh tài nguyện nước.

Điều 72. An ninh nước cho sinh hoạt

Điều này quy định các giải pháp khai thác, bảo vệ, giám sát các nguồn nước

sinh hoạt bảo đảm an ninh nguồn nước sinh hoạt.

Điều 73. An ninh nước cho các ngành sử dụng nước

Điều này quy định trách nhiệm của các ngành trong việc bảo vệ, giám sát, sử dụng nước tiết kiệm hiệu quả nhằm bảo đảm an ninh tài nguyên nước.

Điều 74. Anh ninh nước trong trường hợp thiên tai,thảm họa, hạn hán, thiếu nước, ô nhiễm nguồn nước, biến đổi khí hậu và nước biển dâng

Điều này quy định trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân thực hiện các biện pháp bảo vệ nguồn nước, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước trong tình huống hợp thiên tai,thảm họa, hạn hán, thiếu nước, ô nhiễm nguồn nước, biến đổi khí hậu và nước biển dâng để hạn chế thấp nhất rủi ro do thiếu nước, tác hại do nước gây ra.

Điều 75. Biện pháp bảo đảm an ninh tài nguyên nước

Điều này quy định các biện pháp bảo đảm an ninh tài nguyên nước.

Điều 76. Giám sát an ninh tài nguyên nước

Điều này quy định trách nhiệm và việc giám sát thực hiện các biện pháp an ninh tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII

TÀI CHÍNH VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 77. Nguồn thu ngân sách nhà nước từ hoạt động tài nguyên nước

Kế thừa nội dung tại Điều 64 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định về các nguồn thu ngân sách trong lĩnh vực tài nguyên nước.

Điều 78. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

Kế thừa nội dung tại Điều 65 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định về các đối tượng phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, căn cứ xác định tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Điều 79. Giá trị của tài nguyên nước (bổ sung)

Bổ sung chính sách theo hướng tính đúng, tính đủ giá trị của nước nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, giảm thất thoát, lãng phí nước và tránh thất thu ngân sách nhà nước. Đồng thời là động lực phát triển, kêu gọi các nhà đầu tư ở các thành phần kinh tế tham gia vào công tác bảo vệ và phát triển tài nguyên nước.

Điều 80. Phân bổ nguồn thu (bổ sung)

- Bổ sung chính sách phân bổ các nguồn thu từ hoạt động tài nguyên nước.

- Bổ sung chính sách liên quan đế phân bổ nguồn thu cho các đối tượng thụ hưởng từ hoạt động bảo vệ nguồn sinh thủy một cách hợp lý để khuyến khích quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và các hoạt động tạo nguồn sinh thuỷ.

Điều 81. Xã hội hóa trong lĩnh vực tài nguyên nước (bổ sung)

Bổ sung các quy định, trình tự, phương thức, các chính sách cụ thể ở điều này nhằm tăng cường xã hội hóa trong các hoạt động thuộc trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước như: quan trắc tài nguyên nước; phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; bảo vệ lòng bờ, bãi sông, khôi phục cảnh quan, phát triển nguồn sinh thủy; hoạt động điều tra cơ bản; và dịch vụ công nhằm phù hợp với điều kiện thực tiễn về nguồn lực của nhà nước.

CHƯƠNG VIII

HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 82. Nguyên tắc áp dụng trong quan hệ quốc tế về tài nguyên nước

Kế thừa nội dung tại Điều 66 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định về các Nguyên tắc trong việc điều tra cơ bản, bảo vệ, khai thác, sử dụng nguồn nước liên quốc gia, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, hợp tác quốc tế và giải quyết tranh chấp về nguồn nước liên quốc gia.

Điều 83. Trách nhiệm bảo vệ quyền và lợi ích của Việt Nam đối với nguồn nước liên quốc gia

Kế thừa nội dung tại Điều 67 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo vệ quyền và lợi ích của Việt Nam đối với nguồn nước liên quốc gia.

Điều 84. Hợp tác quốc tế trong quản lý và phát triển tài nguyên nước

Kế thừa nội dung tại Điều 68 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định các nguyên tắc hợp tác quốc tế trong quản lý và phát triển tài nguyên nước.

Điều 85. Giải quyết tranh chấp, bất đồng về nguồn nước liên quốc gia

Kế thừa nội dung tại Điều 69 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định các nguyên tắc trong việc giải quyết tranh chấp, bất đồng về nguồn nước liên quốc gia có liên quan đến các nước trong lưu vực sông, các vùng biển thuộc chủ quyền của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

CHƯƠNG IX

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 86. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ

Kế thừa nội dung tại Điều 70 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Thống nhất phân công trách nhiệm, phân cấp trong quản lý, bảo vệ, phát triển nguồn nước;

- Bổ sung trách nhiệm về việc xây dựng, vận hành hệ thống chỉ tiêu, chỉ số theo dõi, đánh giá an ninh tài nguyên nước quốc gia, lưu vực sông.

Điều 87. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Uỷ ban nhân dân các cấp

Kế thừa nội dung tại Điều 71 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Thống nhất phân công trách nhiệm, phân cấp trong quản lý, bảo vệ, phát triển nguồn nước;

- Bổ sung cơ chế nhằm tăng cường hiệu quả, hiệu lực, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức lưu vực sông.

Điều 88. Điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông

Kế thừa nội dung tại Điều 71 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Bổ sung, thống nhất phân công trách nhiệm, phân cấp trong Điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông.

- Bổ sung chi tiết cơ chế điều phối, giám sát.

Điều 89. Thẩm quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước

Điều chỉnh, bổ sung theo hướng phân cấp, phân quyền cho địa phương.

Điều 90. Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước

Kế thừa nội dung tại Điều 74 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định về cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước.

CHƯƠNG X
THANH TRA CHUYÊN NGÀNH TÀI NGUYÊN NƯỚC, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 91. Thanh tra chuyên ngành tài nguyên nước

Kế thừa nội dung tại Điều 75 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định về trách nhiệm, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành tài nguyên nước.

Điều 92. Giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước

Kế thừa nội dung tại Điều 76 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều này quy định về nguyên tắc giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước.

CHƯƠNG XI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 93. Hiệu lực thi hành

Điều 94. Điều khoản chuyển tiếp

Điều 95. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa ...., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ